

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Biên bản số 11173/TQHPC ngày 07/8/2026 của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản Công ty Thủy điện Tuyên Quang về việc hiệu chỉnh phương án bán đấu giá vật tư thu hồi, vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất đợt 2/2026.

Công ty Thủy điện Tuyên Quang thông báo lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

I. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản bán đấu giá:

- Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Công ty Thủy điện Tuyên Quang – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 403 đường Trường Chinh, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 02073980929; Fax: 02073980919

II. Tài sản bán đấu giá và giá khởi điểm:

- 1. Tài sản bán đấu giá:** Vật tư thu hồi, vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất
(Chi tiết như phụ lục kèm theo)
- 2. Giá khởi điểm:** 1.897.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng*)

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:

Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

1. Tiêu chí về điều kiện tham gia:

Tổ chức hành nghề đấu giá được đánh giá là đủ điều kiện tham gia là phải có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

2. Tiêu chí chấm điểm:

Chi tiết như "Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản" kèm theo thông báo.

IV. Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, một số nội dung cụ thể như sau:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại (tổng số điểm sau khi trừ theo quy định tại Khoản 5, 6, 7, 8 Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024). Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì xét theo tiêu chí phụ, các tiêu chí phụ và thứ tự ưu tiên tiêu chí phụ lần lượt như sau:

- Có số điểm đánh giá năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cao hơn;
- Có số điểm đánh giá phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn;
- Có mức thù lao và chi phí thấp hơn.

V. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Bản chào thù lao đấu giá và chi phí đấu giá (bản chính).
- Phương án đấu giá;
- Hồ sơ, tài liệu để chứng minh các tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá.

2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Hồ sơ đăng ký tham gia nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (chuyển phát bưu phẩm), fax tới Công ty Thủy điện Tuyên Quang trước 16h30 ngày 12/8/2026.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Công ty Thủy điện Tuyên Quang, số 403 đường Trường Chinh, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- HCLĐ (p/h);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tinh

Phụ lục**Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản***(Kèm theo Thông báo số/TB-TĐTQ ngày/8/2026)*

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc tổ chức đấu giá	
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	10,0	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ gồm số điện thoại và địa chỉ thư điện tử, trụ sở có đủ diện tích làm việc chấm 5 điểm.	5,0
			Thiếu 01 thông tin (thiếu một trong các thông tin về địa chỉ trụ sở, số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử): trừ 01 điểm	4,0
			Thiếu 02 thông tin (thiếu hai trong các thông tin về địa chỉ trụ sở, số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử): trừ 02 điểm	3,0
			Thiếu 03 thông tin (thiếu cả ba thông tin về địa chỉ trụ sở, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử): trừ 05 điểm	0,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được công khai, thuận tiện	5,0
			Không công khai địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tài sản hoặc địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ không thuận tiện	0,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá và có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá.	2,0
			Không có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá hoặc có nhưng không thể trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	0,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá và có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá.	3,0
			Không có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá hoặc có nhưng không thể trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá.	0,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2,0
			Không có trang thông tin điện tử đang hoạt động	0,0
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
			Không có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc chưa thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	0,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.	1,0
			Không có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.	0,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0		
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá với đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan, có hình thức đấu giá trực tuyến.	2,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
			Phương án đấu giá đề xuất tổ chức đấu giá không đúng quy định, không bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan, không có hình thức đấu giá trực tuyến .	0,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả: - Bước giá khoảng 0,1% đến 3% so với giá khởi điểm; - Số vòng đấu giá: không khống chế số vòng đấu giá (đối với hình thức đấu giá truyền thống), đối với đấu giá trực tuyến thì thời gian đấu giá tối thiểu 45 phút.	2,0
			Bước giá, số vòng đấu giá không khả thi, không hiệu quả: - Bước giá không nằm trong khoảng 0,1% đến 3% so với giá khởi điểm; - Số vòng đấu giá: có quy định về hạn chế số vòng đấu giá (đối với hình thức đấu giá truyền thống) đối với đấu giá trực tuyến thì thời gian đấu giá thấp hơn 45 phút.	0,0
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện: Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được công khai, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ phải bao gồm phương thức bán/nhận trực tiếp; bán/nhận qua đường bưu chính hoặc các phương thức khác.	4,0
			Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá không công khai, thiếu khả thi, thuận tiện: Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá không công	0,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	khai, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ chỉ bao gồm 01 phương thức bán / nhận trực tiếp hoặc bán /nhận qua đường bưu chính.	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
			Đối tượng không theo đúng quy định của pháp luật	0,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
			Điều kiện tham gia đấu giá không phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	0,0
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4	Phương án đấu giá có đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
			Phương án đấu giá không có đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	0,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	
1	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí		Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến số hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến số hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm tính theo công thức:		Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm tính theo công thức:	

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
	Số điểm của $B=(U \times 3)/Y$		Số điểm của $B=(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên: Số điểm của $C=(V \times 3)/Y$		Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên: Số điểm của $C=(V \times 3)/Y$	
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
6.1	01 đấu giá viên	2,0	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
7.1	Dưới 05 năm	2,0	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề (2025), trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	- Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	- Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	- Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm	8,0	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
	không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)			
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong hai năm 2024, 2025 (<i>tính tới ngày nộp hồ sơ</i>) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí sau:</i>	
			- Số phiên đấu giá thành từ 0 đến 4 phiên.	0,0
			- Số phiên đấu giá thành từ 05 đến 08 phiên.	1,0
			- Số phiên đấu giá thành từ 09 đến 12 phiên.	2,0
			- Số phiên đấu giá thành trên 12 phiên.	3,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá	3,0	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí sau:</i>	
			- Trong 5 năm gần nhất (2021 – 2025) đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá.	2,0
			- Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá nhưng ngoài phạm vi 5 năm gần nhất.	1,0
			- Chưa từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá	0,0

STT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp		Đề xuất Tiêu chí đánh giá, chấm điểm chi tiết	
	Nội dung	Mức tối đa	Nội dung	Điểm chấm
3	Trụ sở chính hoặc Chi nhánh của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	Trụ sở chính hoặc Chi nhánh của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi các phường Minh Xuân, Nông tiến, An Tường, Bình Thuận, Mỹ Lâm tỉnh Tuyên Quang.	1,0
			Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ngoài phạm vi các phường Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Bình Thuận, Mỹ Lâm tỉnh Tuyên Quang.	0,0
4	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0	Số phiên đấu giá trực tuyến thành công (tính đến ngày nộp hồ sơ) trong hai năm 2025, 2026. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí sau:	
			- Dưới 12 phiên	0,0
			- Từ 12 phiên đến 24 phiên	1,0
			- Trên 24 phiên	2,0
Tổng số điểm		100		
Điểm trừ thực hiện theo Khoản 5, 6 ,7 ,8 Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024			Điểm trừ thực hiện theo Khoản 5, 6, 7, 8 Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024	
Điểm đánh giá			Điểm đánh giá bằng tổng điểm các mục I+II+III+IV+V trừ điểm trừ	

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ

TT	Mã tài sản/mã vật tư	Danh mục	ĐV T	Số lượng	Ghi chú/Tình trạng kỹ thuật
1	2.15.03.006.VIE.00.B00	Sắt thép cốt bê tông thu hồi các loại (thép xoắn các loại)	kg	192.611	Vật tư thu hồi/hỏng
2	2.52.01.119.VIE.00.B00	Rọ đá hỏng thu hồi (rọ đá bọc nhựa PVC)	kg	6.246	Vật tư thu hồi/hỏng
3	2.05.80.043.VIE.00.B00	Sắt thép mái gia cố (thép tròn xoắn các loại)	kg	8.221	Vật tư thu hồi/hỏng
4	4.88.65.011.000.00.F10	Gioăng đáy 30x20x4800	cái	5	Vật tư dự phòng hỏng Tình trạng: vật liệu cao su, đã lưu kho lâu năm; cao su lão hóa, bề mặt bong lớp phủ chống mài mòn, mẫu kiểm tra có thể kéo đứt bằng tay